



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Trần Hải Diệu
Last Middle First

Current Address 146/35/9 Võ Thị Sáu Q.3 HCM

Date of Birth 11-15-34 Place of Birth Núi Dương

Previous Occupation before 1975 Lt Colonel

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-07-75 To 09-21-84

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>Khuê Minh-Thao</u>	<u>Friend</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/87

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Yan Huu Diem
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Ly' Phu Dung	9-13-38	wife
Yan Cao Tri'	04-04-78	Son
Yan Huu Tu' Anh	05-17-68	Daughter
Yan Huu Tu' Trinh	12-02-85	Niece

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Residence Address 35 Nguyen Trung Truc
Rach Gia' Kien Giang
Viet Nam



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Yân Hiên Diễn
Last Middle First

Current Address 146/35/9 Võ thị Sáu Q.3 HCM

Date of Birth 11-15-34 Place of Birth Núi Dương

Previous Occupation before 1975 Lt Colonel

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-07-75 To 09-21-84

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
PO BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>None</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/87

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Trần Hữu Diễm
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lý Phú Dũng	9-13-38	wife
Trần Cao Trí	04-04-78	Son
Trần Hữu Tú Anh	05-17-68	Daughter
Trần Hữu Tú Trinh	12-02-85	Niece

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Residence Address 35 Nguyễn Trung Trực
Rach Gia Kiên Giang
Viet Nam



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Yân Huân Diễn
Last Middle First

Current Address 146/35/9 Võ thị Sáu Q.3 HCM

Date of Birth 11-15-34 Place of Birth Hải Dương

Previous Occupation before 1975 Lt Colonel

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-07-75 To 09-21-84

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
PO BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>Khue Minh-Thao</u>	<u>Friend</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/87

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Trần Hữu Diễm
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Le' Phu Dung	9-13-28	wife
Trần Cao Trí	04-04-78	Son
Trần Huệ Tú Anh	05-17-68	Daughter
Trần Huệ Tú Trinh	12-02-85	Niece

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Residence Address 35 Nguyễn Trung Trực
Rach Gia' Kiên Giang
Việt Nam

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV

Date Dec, 1st 1986.

A. Basic Identification Data:

1. Name : ĐIỀU, Văn Hùng Sex: Male
2. Other Names : None
3. Date/Place of Birth : Nov. 15th 1934 - Hải Dương City.
4. Residence Address : 35 Nguyễn Trung Truân, Rach Gia City.
Kiên Giang Province.
5. Mailing Address : 646/35/9 Võ Thị Sáu, Quận 3 - Hồ Chí Minh City
6. Current Occupation :

B. Relatives To Accompany Me,

<u>Name</u>	<u>Date of Birth</u>	<u>Place of Birth</u>	<u>Sex</u>	<u>M.S.</u>	<u>Relationships</u>
1. DUNG, Lý phu	Sept. 13 th 1938	Rach Gia	Female	Married	Wife
2. TRÍ, Văn Cao	April 4 th 1978	"	Male	Single	Son
3. TÚ ANH, Văn Hùng	May 8 th 1968	"	Female		daughter
4. TÚ TRINH, Văn Hùng	Dec, 02 nd , 1985	"	"		Niece

C. Relatives Outside Vietnam of Myself and My Wife.

1. In U.S. : None
2. In Other Foreign Countries : None

D. Complete Family Listing

1. Father : Đặng, Văn Hùng Dead.
2. Mother : Lai, Phạm Thị Living
3. Spouse : Dung, Lý phu Living
4. Former Spouse : None
5. Children : (1) Trí, Văn Cao Living
(2) Tú ANH, Văn Hùng

E. Siblings None

F. Service with RVNAF by Myself

1. Name of Person Serving : ĐIỀU, Văn Hùng
2. Date From : March 19th 1954 To : April 30th 1975
3. Last Rank : Lt Colonel Serial Number : 54/300 812
4. Military Unit : 9th Infantry Division
5. Name of C.O. : Brigadier General LÂM QUANG THỊ
6. Reason for Separation : None

7. Names of American Advisers

- (1). Maj. PCZENSKY As Dir. G5 Adviser 1963
- (2). Capt. CILP. " 1964.
- (3). Capt. CAPUTO " 1966.
- (4). Lt Col. MAYERS. Div G5 & RD Adviser 1968.
- (5). Maj. THORNHILL " 1970.

8. U.S. Training Course in Vietnam

Propaganda and Anti-propaganda

G. Training Outside Vietnam

1. Name of Student: DIÊU, Văn. hien

2. School & School Address

- (1) BE VA - PAC, CRINAWA (^{US Army} Broadcasting and Visual Activities Pacific)
- (2) Special Warfare School - Fort Benning - North Carolina
- (3) Civil Affairs School - Fort Gordon - Georgia

3. Date:

- (1) From April 1961 To June 1961.
- (2) June 1964 To Oct. 1964.
- (3) From Oct. 1964. To Dec. 1964.

4. Description of Courses

- (1) PSY-WAR (Psychological Warfare)
- (2) PSY-OPS (Psychological Operations)
- (3) C.A. (Civil Actions)

5. Who paid for Training: U.S. Government.

(I lost all my ITO and Diplomas just after May 1975)

H. Re education of etc

1. Name of Prison or Reeducation: DIÊU, Văn hien

2. Time in Reeducation: From May 7th 1975 to Sept 21st 1984.

3. Still in Reeducation None.

I. Additional Remarks: Tru Trinh's birth certificate will be completed later on.

Signature

Date: January 15th 1987

J. U Marriage Certificate

01 Tru Anh's Birth Certificate

02 Tru's Birth certificate.

MARIAGE DU DEGRÉ

Hôn thú bậc **nhũ**

Số hiệu **86**
(1)

Nom et prénoms de l'époux <i>Tên, họ người chồng</i>	Văn-Bửu-Dầu
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	II Quan quân đội Công-hoa Việt-nam
Lieu de sa naissance <i>Sanh tại chỗ nào</i>	Hải-Phòng
Date de sa naissance <i>Sanh ngày nào</i>	15 tháng II năm 1934
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	K.Đ.C. 4.730
Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé) <i>Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)</i>	Văn-Bửu-Dung (chết)
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	
Nom et prénoms de la mère (indiquer s'elle est vivante ou décédée) <i>Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)</i>	Phan-Thị-Lai (sống)
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	IXXO
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	nội trợ
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	30470
Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé) <i>Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)</i>	Phan-Thị-Lai (sống)
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	1915
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Trưởng ở Thanh-Hiến
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Châu-thành Kien Giang
Nom et prénoms de l'épouse <i>Tên, họ người vợ</i>	Lý-Thị-Dung
Son rang de femme mariée <i>Vợ chánh hay là vợ thứ</i>	vợ chánh
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	nội trợ
Lieu de sa naissance <i>Sanh tại chỗ nào</i>	Vĩnh-thành-vân (An Giang)
Date de sa naissance <i>Sanh ngày nào</i>	15 tháng 3 năm 1930
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Châu-thành Kien Giang
Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé) <i>Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)</i>	
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil

(1) Lệ chưa đề lược biên án tòa cái giấy hôn thú lại.



Chứng hợp pháp chủ lý tại
giao hội đồng xã Quảng An,
ngày 06 tháng 6 năm 1957
Đang đương kiến hôn

Nom et prénom de la mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải nói)	<u>Lý-thiên-thắng (sống)</u>
Son âge. — Tuổi	<u>1916</u>
Sa profession. — Làm nghề gì	<u>trại trại</u>
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu	<u>Châu-thành Kiên-Song</u>
Nom et prénom de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse Tên, họ chủ hôn phía gái	<u>Lý-thiên-thắng</u>
Son âge. — Tuổi	<u>1916</u>
Sa profession. — Làm nghề gì	<u>trại trại</u>
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu	<u>Châu-thành Kiên-Song</u>
Nom et prénom de l'entremetteur du mariage Tên, họ người làm mai	
Son âge. — Tuổi	
Sa profession. — Làm nghề gì	
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénom du 1er témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	<u>Trần-văn-thành</u>
Son âge. — Tuổi	<u>1910</u>
Sa profession. — Làm nghề gì	<u>lên chỉ</u>
Nom et prénom du 2e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	<u>Châu-thành Kiên-Song</u>
Son âge. — Tuổi	
Sa profession. — Làm nghề gì	<u>Phạm-văn-tipo</u>
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu	<u>1-73</u>
	<u>Châu-thị-văn, ở nhà</u>
	<u>Châu-thành Kiên-Song</u>

A _____, le _____ 195
 Tại Kiến-Song, ngày 3 tháng 6 năm 1957 195

Les époux,
 Vợ chồng,

L'entremetteur,
 Mai nhân,

Les pères et mères,
 Cha mẹ hai bên,

Hai chủ ký tên đọc không được

L'Officier de l'Etat Civil,
 Ủy viên hộ tịch,

Les personnes qui ont procédé au mariage,
 Các người chủ hôn,

Văn-thành (chết)
Phạm-thị-lai (sống)
Lý-thiên-thắng (sống)
 Les témoins,
 Các người chứng,

Ký tên đọc không được

Hai chủ ký tên đọc không được, hai chủ ký tên đọc không được.

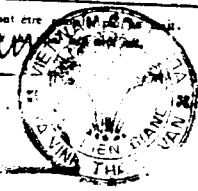
Chứng kiến

Đại diện xã

Trích lục y bản chính

Vinh-thành-văn, ngày 06 tháng 6 năm 1957

NOTA. — Les blancs non remplis doivent être
 Phải viết — chỗ trống phải điền



Choi
 LAM-VAN-CHO

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
0

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Kiên-Giang

Ngày 7 tháng 6 năm 1972

Tòa Kiên-Giang xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 7 tháng 6 năm 1972
gồm có các ông:

Số 2541/ND

Án thế-vi khai-sanh cho
Văn hữu Tử Anh

Chánh-Án : **Hà xuân Thao**
Biện-Lý : **Đặng đình Mậu**
Lục-Sự : **Lâm tấn Đệ**

đã lên bản án như sau

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của **Văn hữu Điều**
xin án thế-vi khai-sanh cho **con,**

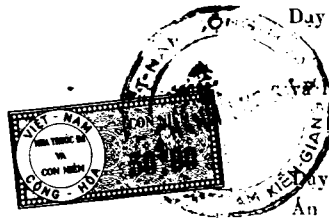
BỞI CÁC LỄ ÁY

Chứng nhận **Văn hữu Điều**

nhìn **Văn hữu Tử Anh** là con,

phán rằng : **Văn hữu Tử Anh**, nữ, sanh ngày 17-5-1968 tại
xã Vĩnh-Thanh Văn (Kiên-Giang), con chánh thức của **Văn**
hữu Điều và Lý Phù Dung.-

Phán rằng án này thế-vi khai-sanh cho **Văn hữu tử Anh**
Đại ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai sanh đương niên



/// **Văn hữu Tử Anh** vào sổ khai-sanh gần như ngày
giữ lại lưu-trữ công-văn

/// và Phòng Lục-Sự Tòa-Án sở tại

Đại nguyên đơn chấp hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kê trên.

Ký tên: **Hà xuân Thao và Lâm tấn Đệ**

Trước bạ tại **Rạch-Giã** ngày **5-8-72**

Quyền

27

Tà

Thầu

288

Trước

Tà

79

Số 249/57

Trịnh-Thiên

CHỖ Y BAN CHÁNH

tháng 5 năm 1973

CHÁNH LỤC-SỰ

GIÁ TIỀN	
Con niêm...	24800
Bổng lộc	5800
Biên lai...	0350
Cộng chung	29350

BL. 5203



Nhan đăng Tr.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Bình Thạnh - Bà
Thị xã, Quận Rach Gia
Thành phố, Tỉnh Biên Hòa

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM
Độc - Lập - Tự - Do - Hạnh - Phúc

Mẫu số HT 3 P 3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 4878
Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN	<u>Văn - Cao - Tư</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày bốn tháng tư</u> <u>năm một nghìn chín trăm tám</u> <u>(04 - 4 - 1978)</u>		
Nơi sinh	<u>Bình - Thạnh - Văn - Rach Gia</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Văn - Huân - Điền</u> <u>1934</u>	<u>Lý - Phú - Dung</u> <u>1938</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Buôn bán</u> <u>30 Duy Tân Rach Gia</u>	<u>Buôn bán</u> <u>30 Duy Tân Rach Gia</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lý - Phú - Dung 1938 ngụ số 30</u> <u>Đường Duy Tân, Khóm Tân</u> <u>hiệp - Đạo, Phường Bình - Thạnh</u> <u>Bà Rach Gia</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 09 tháng 05 năm 1986

T.M. Trần Văn Thanh ký tên đóng dấu



Trần Văn Thanh

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

October 10, 1987

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

(Names of Vietnamese Political Prisoners who need IV and LOI numbers; information sent to ODP several years ago and no response to date).

<u>NAME</u>	<u>SPONSOR</u>
1.- Le Ha An DOB: 07/29/37	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
2.- Hua Thi Cam-Binh DOB: 08/27/43	Ba Thi Ngo Santa Ana, CA 92707
3.- Van Huu Dieu DOB: 11/15/34	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
4.- Nguyen Huu Duc DOB: 04/22/29	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
5.- Le Thien Giao DOB: 1927	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
6.- Nguyen Huu Hien DOB: 06/15/42	Phuoc Thi Hua Sugarland, Tx. 77478
7.- Le Viet Hoa DOB: 10/10/43	Le Thi Phuong Yukon, Ok. 73099
8.- Vu Minh Hung DOB: 04/04/50	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
9.- Nguyen Manh Hung DOB: 01/26/54	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
10.- Tran Minh Huan DOB: 08/01/32	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
11.- Nguyen Ngoc Lau DOB: 07/05/25	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

October 10, 1987

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

(Names of Vietnamese Political Prisoners who need IV and LOI numbers; information sent to ODP several years ago and no response to date).

<u>NAME</u>	<u>SPONSOR</u>
12.- Chu Van Tan DOB: 01/23/44	Ky Clark Fairfax, Va. 22031
13.- Ngo Le Tri DOB: 11/12/28	Ngo Thu Phong Houston, Tx. 77080

Chị Hồ quý mến,

U: đã lâu lắm, sau khi được chỉ cho biết số IV, vâng lời chỉ tôi vẫn ăn tâm chỗ dơi được cấp LOI. nhưng gần đây, vẫn để HO. ở bên nhà rất ổn ào, Đợt HO-1 đã đi, HO-2 đang chuẩn bị cũng với dư luận trong giới Cai tạo phần khởi cũng nhiều, mà bốn chôn lo lắng cũng không ít, Riêng tôi vì ở xa Saigon nên tại càng yên tử hơn chỉ a.

Một số bạn bè cũng được ra trại một lượt với tôi, nay đã có LCI, một số ít đã được làm interview, thậm chí có ^{sau} nhiều khả năng đang học và chỉ còn chờ chuyển bay, lên đường thôi chị ạ! Trong quá trình cần thiệp giúp đỡ anh em chúng tôi vừa qua, chị đã tốn nhiều công sức. Mong chị tiếp tục cố gắng, không có người nào phụ nhân công ^{của} chị - Xin ơn trên phù hộ cho chị.

Chức chi nhiều từ khỏe để khỏe.

Trên ai!

146/35/9 l^o th. Scw.

FS - G. B. P. WETLANDS

(~~Ergebnis~~)

FROM Van Thi Kim Kien
146/35/9 Vo Thi Sau, Q.3, Tp Ho Chi Minh
City - R.S. - VIET NAM

AIR MAIL

AEROSGRAMME

PAR AVION

27.2.90

VIET NAM

34.20đ

SM. 027

MAR 21 1990

TO M^{me} KHUC MINH THO
P.O. Box 5435 - Arlington
VA - 22204 - D.635

COUNTRY OF DESTINATION U.S.A



VIETNAM



BEN THANH MARKET (HO CHI MINH CITY)

VIETNAM POST ISSUE

«DO NOT WRITE IN THIS AREA»

FIRST FOLD HERE



PRODUCED BY: HANGHANG CO. LTD.
14 HOANG DINH DISTRICT